

Bản án số: **09/2022/DSST**

Ngày: 13/5/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đích

2. Bà Vũ Thị Lệ Thủy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Phương Dung - Cán bộ
Toà án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S: Bà Lưu Thu Hà – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2022/QĐST-DS ngày 04/4/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 25 ngày 21/4/2022 giữa.

Nguyên đơn: Bà Trương Thị S ; sinh năm 1970; Địa chỉ: số 728 N, tổ 49 phường A, quận S , thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Bị đơn: Bà Võ Thị Ngọc T – sinh năm: 1990– Địa chỉ: số 714 N, tổ 49 phường phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2021; bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay bà Trương Thị Sáng trình bày:

Qua mối quan hệ quen biết, bà S cho bà T vay số tiền là 1.121.000.000 đồng (có giấy mượn tiền ngày 10/2/2021 do bà T viết và ký), hạn thời gian vay 30 ngày sẽ trả nhưng đến hạn bà T không trả như cam kết. Bà S nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T không trả và hứa hẹn nhiều lần, sau đó tránh mặt không gặp bà.

Quá trình vay tiền, bà T trả cho bà S được 4 lần: Lần 1 vào ngày 07/7/2021: trả 200.000.000 đồng; Lần 2 vào ngày 28/9/2021 trả 30.000.000 đồng; Lần 3 vào ngày 15/10/2021 trả 10.000.000 đồng, lần 4 vào ngày 18/11/2021 trả 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 250 triệu đồng. Hiện nay, bà T còn nợ số tiền 871.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà S yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị Ngọc T trả số tiền là 871.000.000đ (Tám trăm bảy mươi một triệu đồng) và tiền lãi phát sinh (trên số tiền nợ gốc 871.000.000 đồng) kể từ ngày 12/3/2021 đến ngày xét xử theo lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 09/3/2022 bị đơn bà Võ Thị Ngọc T trình bày: Bà xác nhận có nợ bà Trương Thị S số tiền 1.121.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình (bà có viết

giấy và ký xác nhận nợ ngày 10/02/2021 và hẹn sau 30 ngày sẽ trả, khi viết giấy mượn tiền hai bên không thỏa thuận về tiền lãi. Quá trình vay bà đã trả cho bà S tổng cộng 250.000.000 đồng. Hiện bà xác định còn nợ bà S số tiền 871.000.000 đồng Tuy nhiên, do việc làm ăn thua lỗ, bà bị vỡ nợ nên không đủ khả năng trả nợ cho bà S. Bà xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các 280, Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của bà Trương Thị S đối với bà Võ Thị Ngọc T .

Buộc bà Võ Thị Ngọc T phải trả cho bà Trương Thị S số tiền gốc: 871.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên (số tiền gốc 871.000.000 đồng) kể từ ngày 12/3/2021 đến ngày xét xử theo quy định pháp luật.

Số tiền lãi bà T phải trả cho bà S là: $871.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/12 \times 14 \text{ tháng}$ 01 ngày = 101.857.000 đ (Một trăm linh một nghìn tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng)

Tổng số tiền bà T phải trả cho bà S bao gồm tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là: $871.000.000\text{đ} + 101.857.000\text{đ} = 972.857.000 \text{ đồng}$

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Trương Thị S với bị đơn bà Võ Thị Ngọc T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận S đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Võ Thị Ngọc T nhưng tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà T

[2]. Về nội dung vụ án:

Qua mối quan hệ quen biết, bà Sáng cho bà T vay số tiền là 1.121.000.000 đồng (có giấy mượn tiền ngày 10/2/2021 do bà T viết và ký), hẹn thời gian vay 30 ngày sẽ trả nhưng đến hạn bà T không trả như cam kết. Bà S nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T không trả và hứa hẹn nhiều lần, sau đó tránh mặt không gặp bà.

Quá trình vay tiền, bà T đã trả cho bà S tổng cộng là 250 triệu đồng. Hiện nay, bà T còn nợ số tiền 871.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Sáng yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị Ngọc T trả số tiền là 871.000.000đ (Tám trăm bảy

mười một triệu đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 12/3/2021 theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định.

Còn bà T xác nhận có nợ bà Trương Thị S số tiền 1.121.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình (bà có viết giấy và ký xác nhận nợ ngày 10/02/2021) và hẹn sau 30 ngày sẽ trả, khi viết giấy mượn tiền hai bên không thỏa thuận về tiền lãi. Quá trình vay bà đã trả cho bà S tổng cộng 250.000.000 đồng. Hiện còn nợ bà S số tiền 871.000.000 đồng. Do việc làm ăn thua lỗ nên bà không đủ khả năng trả nợ cho bà S. Bà xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Việc vay tiền giữa bà S và bà T là có thật và hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giấy vay tiền đã ký kết. Căn cứ theo giấy vay tiền trên đều có đầy đủ chữ ký, chữ viết của bà T, tại bản tự khai ngày 09/3/2022 bà T xác nhận còn nợ bà S số tiền 871.000.000 đồng. Bà T là bên vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà S. Mặt khác, yêu cầu xin trả dần số nợ trên của bà T không được bà S chấp nhận. Do đó yêu cầu của bà buộc bà Võ Thị Ngọc T phải trả một lần cho bà số tiền gốc **871.000.000** đồng là có cơ sở và phù hợp với Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về tiền lãi: Tại phiên tòa hôm nay, bà S yêu cầu Hội đồng xét xử tính tiền lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền nợ gốc 871.000.000 đồng từ ngày 12/3/2021 đến ngày xét xử. Căn cứ theo khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định '*Trường hợp vay không có lãi mà đến hạn trả nợ mà bên vay không trả hoặc trả không đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*'.
Thời gian bà T chậm trả tiền cho bà S được tính từ ngày 12/3/2021 đến ngày xét xử ngày 13/5/2022 là 14 tháng 01 ngày. Căn cứ theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất được áp dụng là 10%/ năm. Như vậy, yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi bà T phải trả cho bà S là : $871.000.000 \text{ đồng} \times 10\% / 12 \times 14 \text{ tháng } 01 \text{ ngày} = 101.857.000 \text{ đồng}$ (Một trăm lẻ một triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng)

Tổng số tiền bà T phải trả cho bà S bao gồm tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là: $871.000.000đ + 101.857.000đ = 972.857.000 \text{ đồng}$

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Trương Thị S được chấp nhận nên bà Võ Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật trên số tiền 972.857.000 đồng còn nợ bà S là: $36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 172.857.000 \text{ đồng}) = 41.185.710 \text{ đồng}$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 280; Điều 463, khoản 4 Điều 466, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của bà Trương Thị S đối với bà Võ Thị Ngọc T.

Xử:

1. Buộc bà Võ Thị Ngọc T phải trả cho bà Trương Thị S số tiền **972.857.000 đồng (Chín trăm bảy mươi hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng)**. Trong đó nợ gốc 871.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/3/2021 cho đến ngày xét xử 13/5/2022 là: 101.857.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 41.185.710đ (Bốn mươi một triệu một trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm mười đồng) bà Võ Thị Ngọc T phải chịu.

Hoàn trả cho bà Trương Thị S số tiền tạm ứng án phí 19.215.000đ (Mười chín triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng) bà đã nộp theo biên lai thu số 0003061 ngày 18/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận S, TP. ĐN;
- Chi cục THADS quận S, TP. ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh

